

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HS-ST

Ngày: 21-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Việt Hùng;

2. Ông Nguyễn Đức Phong.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Tòng Thị S, sinh năm 1999; nơi sinh: xã Ph, huyện Th, tỉnh S; nơi cư trú: bản N 2, xã H, huyện Ph, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; con ông Tòng Văn T, sinh năm 1962 và con bà Tòng Thị P, sinh năm 1960; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ tám; có chồng Đinh Văn Th, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2023 đến ngày 17/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay; “có mặt”

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đinh Thị Thanh T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

- **Bị hại:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1969 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1944; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: TDP số 21, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định;

+ Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1992; địa chỉ: TDP số 21, thị trấn T, huyện H tỉnh Nam Định;

+ Anh Phạm Minh S, sinh năm 1995; địa chỉ: TDP số 21, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị H, anh Phạm Minh S: Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1992; địa chỉ: TDP số 21, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị Th, sinh năm 2000;
2. Chị Lò Thị Th, sinh năm 2000;
3. Chị Lương Thị L, sinh năm 2005;
4. Anh Lê Văn T, sinh năm 1982;
5. Anh Đinh Thành L, sinh năm 1980;
6. Bà Trần Thị R, sinh năm 1950;
7. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1962;
8. Chị Tòng Thị Nh, sinh năm 1994;
9. Chị Cà Thị Hồng Nh, sinh năm 2007;
10. Chị Tòng Thị Ng, sinh năm 2007;
11. Chị Lò Thị Th, sinh năm 2007;

Người giám hộ cho Cà Thị Hồng Nh, Tòng Thị Ng và Lò Thị Th: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 - Chủ tịch Hội phụ nữ thị trấn Y.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và người bào chữa; vắng mặt đại diện hợp pháp của bị hại và những người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/01/2023, sau khi ăn cơm tại nhà trọ của anh Lê Văn T, sinh năm 1982 ở xóm Tr, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Tòng Thị S hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 18B1 - 174.19 có dung tích xi lanh 100cm³ để đi hát karaoke thì anh T đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe chở chị Cà Thị Hồng Nh sinh năm 2007, trú tại bản T, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La đến quán B ở tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện H để hát karaoke cùng các chị Tòng Thị Ng, sinh năm 2007; Lương Thị Th, sinh năm 2000 đều trú tại huyện T, tỉnh Sơn La. Quá trình hát karaoke, S cùng các bạn tham gia uống bia. Đến 15 giờ cùng ngày, S, Nh, Nguyệt, Th nghỉ hát. Chị Ng và chị Th về trước, S thanh toán tiền về sau. Mặc dù không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn 0,126 mg/lít khí thở, nhưng Tòng Thị S vẫn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18B1 - 174.19 chở chị Cà Thị Hồng Nh đi trên trục đường liên xã theo hướng tổ dân phố số 1, thị trấn Y đến xóm T, xã H, huyện H. Khi đến khu vực xóm T xã H do không làm chủ tốc độ và không đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình, dẫn đến mất lái bánh trước, chắn bùn bánh trước xe mô tô bị cáo điều khiển đã va chạm với mặt lán bánh trước, chắn bùn bánh trước và giỏ xe phía trước xe mô tô biển kiểm soát

18H1 - 529.62 do ông Phạm Văn T, sinh năm 1969, ở tổ dân phố số 21, thị trấn T điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả: ông Phạm Văn T bị thương vùng đầu được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện nhưng đã bị tử vong. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Tòng Thị S đã đến Công an huyện H đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Khám nghiệm hiện trường một số dấu vết chính sau: Hiện trường không còn nguyên vẹn.

Hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra trên trục đường đường bê tông xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Hướng khám nghiệm từ Tổ dân phố số 1, thị trấn Y đi xóm Ta, xã H, huyện H. Mép đường chuẩn là mép đường bên trái theo hướng khám nghiệm. Điểm mốc được xác định là tâm độ mở đường bê tông vào khu dân cư xóm Txã H huyện H (rộng 9m20).

Mặt đường bê tông bằng phẳng, không có chướng ngại vật, rộng 4m02, lề đường bên phải rộng 82cm; lề đường bên trái rộng 85cm. Đoạn đường không có biển báo giao thông và đèn giao thông.

Đám vết mài màu đen trên mặt đường bê tông dài 1m80, rộng 0m20, chiều hướng từ thị trấn Y đi xóm T. Tâm điểm đầu vết cách mép đường chuẩn 1m00, cách mốc 39m75 (về phía thị trấn Y chiếu vuông góc). Tâm điểm cuối vết cách mép đường chuẩn 20cm.

Đám vết cày đứt quãng thứ nhất trên mặt đường bê tông dài 1m15, rộng 20cm, chiều hướng vết từ thị trấn Y đi xóm T, xã H. Tâm điểm đầu cách mép đường chuẩn 70cm, cách mốc 38m35 về phía thị trấn Y (chiếu vuông góc). Tâm điểm cuối trùng với mép đường chuẩn, cách mốc 37m50 về thị trấn Y (chiếu vuông góc).

Đám vết cày đứt quãng thứ hai trên mặt đường bê tông dài 3m15, rộng 50cm, chiều hướng vết từ thị trấn Y đi xóm T, xã H. Tâm điểm đầu cách mép đường chuẩn 1m25, cách mốc 38m95 về phía thị trấn Y (chiếu vuông góc). Tâm điểm cuối vết trùng với mép đường chuẩn, cách mốc 36m10 về phía thị trấn Y (chiếu vuông góc).

Xe mô tô biển kiểm soát 18B1-174.19 đổ nghiêng phải trên mặt đường bê tông, đầu xe chéch trái đường, đuôi xe chéch phải đường. Trục bánh trước nằm trên lề đường bên trái, cách mép đường chuẩn 45cm, cách mốc 37m50 về phía thị trấn Y (chiếu vuông góc). Trục bánh sau cách mép đường chuẩn 30cm (nằm trên mặt đường), cách mốc 38m10 về phía thị trấn Y (chiếu vuông góc).

Xe mô tô biển kiểm soát 18H1 - 529.62 đổ nghiêng phải trên mặt đường, đầu xe hướng bên trái đường, đuôi xe hướng bên phải đường. Trục bánh trước nằm trên lề đường trái, cách mép đường chuẩn 25cm, cách mốc 36m75 về phía thị trấn Y (chiếu vuông góc). Trục bánh sau nằm trên mặt đường bê tông cách mép đường chuẩn 70cm, cách mốc 37m20 về phía thị trấn Y chiếu vuông góc).

Khoảng máu trên mặt đường bê tông loang trong diện 2m10 x 1m10 (tính từ mép đường chuẩn). Tâm vết cách mốc 34m50 về phía thị trấn Y (chiều vuông góc).

Vị trí nạn nhân ông Phạm Văn Tsinh năm 1969, ở tổ dân phố số 21, thị trấn Th, huyện H (theo mô tả của nhân chứng): nạn nhân nằm úp song song với mép đường chuẩn, đầu hướng xóm T, xã H. Tâm đầu trùng với tâm khoảng máu.

Khám nghiệm phương tiện:

1. Xe mô tô biển kiểm soát 18B1-174.19, màu xanh- đen- bạc, dung tích xilanh 100cm³:

Mặt nạ phía trước đầu xe bị nứt vỡ dài 20cm, điểm cao nhất của vết cách mặt đất 78cm, điểm thấp nhất của vết cách mặt đất 72cm, bề mặt bám dính chất thô màu đen. Chấn bunn bánh trước bị nứt vỡ bong tróc sơn trong diện (78 x 14)cm, tâm cách mặt đất 55cm, bề mặt bám dính chất thô màu đen đỏ. Vành xe bánh trước tại vị trí chân van bị đẩy dòn cong gập chiều hướng từ ngoài vào trong, từ trái sang phải trong diện (12 x 3)cm. Điểm cong nhất cách chân van 06cm (cùng chiều lăn tiến của bánh xe). Mặt ngoài của ống giảm xóc bánh trước có bám dính chất thô màu đen trong diện (13 x 1,2)cm. Tâm cách mặt đất 28cm. Cánh yếm bên trái bị tuột rời khỏi chốt hãm, bề mặt có vết mài trượt chiều hướng từ trước về sau trong diện (21 x 14)cm, tâm cách mặt đất 73cm, bề mặt bám dính chất thô màu đen. Thanh kim loại gắn với giá đỡ chân phía sau bên trái người ngồi sau có bám dính chất màu nâu đỏ trong diện (2,5 x 3,5)cm, tâm cách mặt đất 36cm. Cánh yếm bên phải tuột khỏi chốt hãm, có vết rách vỡ bong tróc sơn, bề mặt bám dính chất thô màu đen trong diện (24 x 24)cm. Tâm cách mặt đất 72cm. Mặt ngoài bàn đạp chân phanh có vết mài trượt nham nhở không rõ chiều hướng, trong diện (2 x 2)cm, tâm cách mặt đất 29cm. Mặt ngoài ốp cao su bảo vệ giá đỡ chân người điều khiển có vết mài trượt lộ lõi kim loại trong diện (2,5 x 3)cm, tâm cách mặt đất 31cm. Mặt ngoài ốp kim loại bảo vệ ống xả có vết mài trượt nham nhở, không rõ chiều hướng trong diện (1,5x1)cm, tâm cách mặt đất 32cm. Mặt ngoài ống xả có vết mài trượt nham nhở trong diện (0,1 x 0,7)cm, tâm cách mặt đất 32cm. Ốp nhựa phía dưới cụm đèn chuyển hướng bên phải bị nứt vỡ trong diện (1,5x,1,5)cm, tâm cách mặt đất 97cm và cách đầu núm tay nắm lái bên phải 31,5cm.

2. Xe mô tô biển kiểm soát 18H1-529.62, sơn màu nâu, dung tích xilanh 97cm³

Cụm đèn chiếu sáng phía trước bị tuột rời khỏi vị trí ban đầu. Ốp nhựa phía trước đầu xe (dưới cụm đèn chiếu sáng) bị tuột rời khỏi vị trí ban đầu. Chấn bunn bánh trước bị đẩy dòn chiều hướng từ trái sang phải, trừ trước về sau lệch 14cm so với vị trí ban đầu. Chấn bunn phía trước bị rách vỡ trong diện (0,3 x 3,5)cm, tâm cách mặt đất 60,5cm. Chấn bunn phía sau bị rách vỡ trong diện (22 x 11)cm, tâm cách mặt đất 57cm. Góc bên trái phía trước giỏ xe bị đẩy từ trước về sau, từ trái sang phải trong diện (15 x 10)cm, tâm cách mặt đất 84cm. Bánh xe phía trước bị cong méo. Mặt lắn bánh trước có vết mài trượt, chùi bụi trong diện (37 x 5)cm. Tâm vết cách chân van 38cm (theo ngược chiều lăn tiến của bánh xe). Ốp nhựa bảo vệ ống giảm xóc bên trái bị nứt vỡ trong diện (13 x 6)cm, tâm cách mặt đất

43cm. Trên bề mặt có vết mài trượt nham nhở, không rõ chiều hướng trong diện (2,5 x 9,5)cm, tâm cách mặt đất 57cm, bề mặt bám dính chất thô màu trắng-hồng. Ốp phản quang bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu. Thanh kim loại bên trái giá đỡ giỏ xe có vết mài trượt nham nhở, không rõ chiều hướng trong diện (7 x 0,2)cm, tâm cách mặt đất 67cm, bề mặt bám dính chất thô màu trắng-hồng. Phần liên kết giữa ống giảm xóc bên trái và trục bánh trước có vết lún trong diện (0,8 x 0,2)cm, tâm cách mặt đất 28cm, bề mặt bám dính chất thô màu đỏ. Bên trái máy ở bánh trước có vết mài trượt chùi bụi, chiều hướng từ trước về sau, trong diện (17x3)cm. Tâm cách mặt đất 32cm, bề mặt bám dính chất thô màu đen. Hộp đựng đồ (được lắp thêm) bị nứt vỡ trong diện (37 x12)cm, tâm cách mặt đất 64,5cm. Ốp nhựa hông xe cụm đèn chuyển hướng bên phải người điều khiển bị tuột rời khỏi vị trí ban đầu. Mặt trước đầu núm tay nắm lái bên phải bị mòn vẹt trong diện (2,5x1)cm, tâm cách mặt đất 1m06. Mặt ngoài cánh yếm bên phải bị cào xước trong diện (10x5)cm, tâm cách mặt đất 44cm. Thanh kim loại bảo vệ lốc máy bên phải bị tuột rời khỏi chốt hãm. Mặt ngoài lốc máy bên trái bị cào xước chiều hướng từ ngoài vào trong, từ phải qua trái, trong diện (1,5 x 1)cm, tâm cách mặt đất 35,5cm. Giá đỡ chân bên phải người điều khiển bị đẩy dòn từ trước về sau 9cm so với vị trí ban đầu. Ốp cao su bảo vệ bị rách, mài trượt trong diện (4x5)cm, tâm cách mặt đất 35. Giá đỡ hàng hoặc đẩy xe bị gãy, tuột khỏi vị trí ban đầu. Mặt ngoài bên phải có vết mài trượt nham nhở không rõ chiều hướng trong diện (1,5 x 0,6)cm, tâm cách mặt đất 71,5cm. Mặt ngoài ống xả có vết mài trượt chiều hướng từ trước về sau, trong diện (1,5x1)cm, tâm cách mặt đất 21cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 221/GĐKTHS ngày 17/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Phạm Văn T là do chấn thương vỡ sập xương hộp sọ, chảy máu nội sọ, dập tổ chức não.

Bản kết luận định giá về tài sản số 06/KL - HĐĐG ngày 08/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 18B1- 174.19 là 1.955.000đồng và xe mô tô biển kiểm soát 18H1 - 529.62 là 990.000đồng, tuy nhiên Anh T và đại diện gia đình bị hại xin tự khắc phục và không có đề nghị gì.

Quá trình điều tra, bị cáo Tòng Thị S đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn T đã nhận số tiền trên không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 50/CT-VKSHH ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Tòng Thị S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Tòng Thị S đã ăn năn hối cải và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên

toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Tòng Thị S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Tòng Thị S từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-01-2023. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18B1-174.19 là tài sản hợp pháp của anh Lê Văn T và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18H1-529.62 là của ông Phạm Văn T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T và đại diện gia đình ông T quản lý, sử dụng là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo Tòng Thị S đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn T đã nhận số tiền trên không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên về trách nhiệm dân sự không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Tòng Thị S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên xét điều kiện và hoàn cảnh bị cáo là người dân tộc thiểu số, lạc hậu nên nhận thức xã hội còn thấp và hiểu biết pháp luật còn hạn chế vì thế việc sử dụng rượu bia còn thường xuyên và chưa hiểu hết được việc khi tham gia giao thông đường bộ phải tuân thủ các quy định của luật giao thông đường bộ. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự và sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và đại diện bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 260; điểm b, m, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

- Bị cáo Tòng Thị S không bổ sung gì đối với quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý.

Phản tranh luận tại phiên tòa: bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với quan điểm của người bào chữa: không nhất trí quan điểm bào chữa của luật sư về việc đề nghị áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Mặc dù bị cáo là người dân tộc nhưng trình độ học vấn của bị cáo 9/12 nên bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ do đó không áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “phạm tội do lạc hậu” đối với bị cáo.

Người bào chữa vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xác nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Tòng Thị S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, bản giám định pháp y; lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng; biên bản thu giữ và trao trả vật chứng và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 12/01/2023, Tòng Thị S không có giấy phép lái xe theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn là 0,126 mg/lít khí thở, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18B1 - 174.19 có dung tích xi lanh 100cm³, phía sau chở chị Cà Thị Hồng Nh đi trên trục đường liên xã theo hướng tổ dân phố số 1, thị trấn Y đến xóm T, xã H, huyện H. Khi đến khu vực xóm T xã H, huyện H, do không làm chủ tốc độ và không đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình đã dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 18H1 - 529.62 do ông Phạm Văn T sinh năm 1969, ở Tổ dân phố số 21, thị trấn T điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả: ông Phạm Văn T bị thương vùng đầu được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện nhưng bị tử vong do chấn thương vỡ sập xương hộp sọ, chảy máu nội sọ, dập tổ chức não. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người đủ khả năng nhận thức được rằng, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, nếu không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ thì sẽ dễ gây ra tai nạn dẫn đến hậu quả và hệ lụy khôn lường; Quá trình điều khiển xe mô tô bị cáo không có giấy phép lái xe, có nồng độ cồn trong khí thở, không làm chủ tốc độ và không đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình nên đã va chạm với xe mô tô do ông Phạm Văn T điều khiển, hậu quả làm ông T ngã và bị tử vong là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung năm 2009). Do đó hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến sự an toàn của các phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo

vệ và gây mất trật tự trị an xã hội, cần xử lý nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện tác động gia đình khắc phục, bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000đ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo có xác nhận chính quyền địa phương, người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích ở trên. Xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo mục đích của hình phạt, đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[6] Đối với quan điểm của trợ giúp viên pháp lý về việc đề nghị áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bị cáo là người dân tộc nhưng trình độ học vấn của bị cáo 9/12 nên bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ do đó không có căn cứ áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “phạm tội do lạc hậu” đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng, sau khi nhận số tiền trên đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về phần dân sự. Do đó về trách nhiệm dân sự không đề cập giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18B1-174.19 và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18H1 - 529.62. Qua xác minh tài sản trên là tài sản hợp pháp của anh Lê Văn T và của bị hại Phạm Văn T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T và đại diện gia đình ông T quản lý, sử dụng là phù hợp pháp luật.

[9] Đối với anh Lê Văn T cho Tòng Thị S mượn xe mô tô nhưng không biết S chưa có giấy phép lái xe, thời điểm mượn xe S chưa sử dụng rượu, bia nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Tòng Thị S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Tòng Thị S 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-01-2023.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Tòng Thị S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện HP của bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga